

Số 1358/TB-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

**Về việc sinh viên đăng ký học trước một số học phần
trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Đồng Tháp**

I. Căn cứ ban hành

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp.

II. Điều kiện đăng ký học trước

Sinh viên đủ điều kiện đăng ký học trước khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Sinh viên chính quy đang theo học chương trình đại học ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Đồng Tháp (*Xem phụ lục 2: Danh sách các ngành đại học và ngành đào tạo thạc sĩ phù hợp*);
- Sinh viên đã tích lũy tối thiểu 60% số tín chỉ trong chương trình đào tạo bậc đại học và đạt điểm trung bình tích lũy từ 2.50 trở lên (theo thang điểm 4);
- Các điều kiện về học phần tiên quyết do Trường chuyên ngành và Khoa chuyên môn (sau đây gọi tắt là Khoa) quyết định.

III. Khối lượng, hình thức và thời gian học trước

- Số tín chỉ tối đa sinh viên được đăng ký học trước và đề nghị công nhận kết quả học trước là 15 tín chỉ.
- Sinh viên đủ điều kiện học trước được bố trí học, tham gia đánh giá giữa kì và cuối kì cùng với học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ đang học tại Trường.
- Kế hoạch học trước sẽ được công bố theo từng năm học.

IV. Công nhận kết quả học trước

- Sinh viên chỉ được công nhận kết quả học trước của học phần khi hoàn thành việc học, đạt điểm đánh giá giữa kì và cuối kì theo quy định.
- Sinh viên được cấp giấy chứng nhận kết quả khi đủ điều kiện hoàn thành các học phần thạc sĩ. Sinh viên có kết quả học trước được ưu tiên khi xét tuyển/thi tuyển đầu vào hệ đào tạo sau đại học theo quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp. Kết quả học trước là căn cứ để xét công nhận miễn học, miễn thi khi sinh viên trúng tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Kết quả học trước được bảo lưu trong thời gian 05 năm kể từ thời điểm hoàn thành học phần được ghi trong giấy chứng nhận cho đến khi nộp hồ sơ xét tuyển/thi



tuyển khóa học đào tạo trình độ thạc sĩ. Trong thời gian thực hiện, căn cứ vào sự thay đổi của chương trình đào tạo, Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ hoặc quy đổi tương đương các học phần đối với từng trường hợp cụ thể.

V. Quy trình đăng ký học trước

1. Sinh viên nộp đơn đăng ký học trước và giấy xác nhận kết quả học tập tạm thời tại các Khoa.

2. Khoa căn cứ điều kiện đăng ký học trước, phối hợp với Trường chuyên ngành sau đại học để rà soát hồ sơ của từng sinh viên, ấn định danh sách đăng ký theo từng ngành và gửi về cho Phòng Đào tạo Sau đại học.

3. Phòng Đào tạo Sau đại học tham mưu để Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả xét sinh viên đủ điều kiện đăng ký học trước một số học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

4. Phòng Đào tạo Sau đại học thông báo danh sách, mức học phí và thời gian hoàn thành việc đóng học phí để sinh viên thực hiện.

5. Danh sách đủ điều kiện học trước là danh sách sinh viên đạt các điều kiện và hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí theo quy định của Nhà trường. Danh sách được thông báo đến các Khoa và sinh viên để biết và thực hiện.

VI. Học phí

Học phí được tính theo số tín chỉ, thu theo lộ trình theo Quyết định số 385/QĐ-ĐHĐT của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về quy định mức thu học phí hệ đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng đối với khóa tuyển sinh từ năm 2023, cụ thể như sau:

Bảng 1: Mức học phí đào tạo trình độ thạc sĩ theo chuyên ngành

(Đơn vị: đồng/tín chỉ)

TT	Tên ngành đào tạo	Năm học			
		2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
1	Giáo dục tiểu học; LL&PPDH Bộ môn Toán; LL&PPDH Bộ môn Tiếng Anh.	705.000	795.000	895.000	1.006.700
2	Quản lý kinh tế.	705.000	795.000	895.000	1.006.700
3	Hóa lý thuyết và Hóa lý; Vật lý lý thuyết và vật lý toán; Khoa học môi trường.	760.000	855.000	965.000	1.085.300
4	Ngôn ngữ Việt Nam; Lịch sử Việt Nam	750.000	845.000	955.000	1.074.300

VII. Trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị

1. Phòng Đào tạo Sau đại học

a. Là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch học trước theo từng năm học, thông báo đến các đơn vị liên quan và sinh viên.

b. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký, lập danh sách sinh viên đủ điều kiện học trước, trình Ban giám hiệu phê duyệt.

c. Xây dựng lịch học, tổ chức, quản lý lớp học, tổ chức các hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá theo quy định.

d. Phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính và các Khoa trong việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan.

2. Phòng Đảm bảo chất lượng

Cấp giấy xác nhận điểm tạm thời cho sinh viên để làm thủ tục đăng ký học trước.

3. Phòng Kế hoạch – Tài chính

a. Tính học phí sinh viên phải nộp theo tín chỉ để Phòng Đào tạo Sau đại học thông báo cho người học.

b. Thu học phí học trước và thực hiện các chế độ thanh toán cho giảng viên, các đơn vị liên quan đến hoạt động học trước theo quy định.

4. Các Khoa và Trường chuyên ngành sau đại học

a. Khoa chịu trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với Trường chuyên ngành xét duyệt đơn và hồ sơ đăng ký học trước của sinh viên.

b. Lập danh sách sinh viên có nguyện vọng, đủ điều kiện học trước gửi về Phòng Đào tạo Sau đại học.

c. Phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý hoạt động học trước của sinh viên, đảm bảo tốt quyền lợi cho người học.

VIII. Thủ tục đăng ký

- Thời gian đăng ký:

+ Đợt 1: trước ngày 31 tháng 5 hằng năm.

+ Đợt 2: trước ngày 30 tháng 9 hằng năm.

- Hồ sơ: Mẫu đơn đăng ký (xem phụ lục 1 hoặc tải về từ website của Phòng Đào tạo Sau đại học tại địa chỉ: <https://dtsdh.dthu.edu.vn>)

- Thông tin chi tiết, liên hệ: Phòng Đào tạo Sau đại học, Số 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Điện thoại: 02773.881.622.

Trên đây là Thông báo của Trường Đại học Đồng Tháp về việc sinh viên đăng ký học trước một số học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ. Đề nghị các phòng ban, khoa phổ biến rộng rãi Thông báo này để sinh viên có nhu cầu học trước nộp hồ sơ theo đúng thời gian quy định. /.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường (để báo cáo);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Đăng E-Office Trường (để công bố);
- Lưu: VT, ĐTSĐH (VH).

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống



MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC TRƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC TRƯỚC HỌC PHẦN THẠC SĨ

Kính gửi: - Trường chuyên ngành.....;
 - Trường Khoa.....;
 - Trường phòng Đào tạo Sau đại học;
 - Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

Họ và tên: Ngày/tháng/năm sinh.....

Mã số sinh viên:.....

Lớp sinh viên: Ngành: Khóa:

Kết quả học tập của chương trình đại học:

- Điểm trung bình chung tích lũy (đến hết học kỳ 6):
- Xếp hạng học lực:
- Tổng số tín chỉ đã tích lũy:

Căn cứ Thông báo số/ QĐ-ĐHĐT ngày..... tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc sinh viên đăng ký học trước một số học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, bản thân tôi nhận thấy có đủ điều kiện để đăng ký học trước một số học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành.....

Vì vậy, tôi làm đơn này kính mong Trường Khoa..... và Trường phòng Đào tạo Sau đại học xem xét, cho phép tôi được theo học một số học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành....., cụ thể như sau:

- 1) Học phần:..... Số tín chỉ:.....
- 2) Học phần:..... Số tín chỉ:.....
- 3) Học phần:..... Số tín chỉ:.....
- 4)

Tôi cam kết sẽ chấp hành mọi quy định của Nhà trường và đóng học phí đầy đủ.
 Trân trọng./.

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023

Ý kiến của Trường chuyên ngành

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến của khoa chuyên môn

Ý kiến của Phòng ĐTSĐH

Duyệt của Hiệu trưởng



**DANH SÁCH CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC VÀ NGÀNH THẠC SĨ PHÙ HỢP
ĐƯỢC ĐĂNG KÝ HỌC TRƯỚC**

STT	Ngành đại học	Ngành thạc sĩ phù hợp	Ghi chú
1	Giáo dục tiểu học	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
2	Sư phạm Toán học	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	
3	Sư phạm Ngữ văn	Ngôn ngữ Việt Nam	
4	Sư phạm Hóa học	Hóa lý thuyết và hóa lý	
5	Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Lịch sử Việt Nam	
6	Sư phạm Tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	
7	Khoa học môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	Khoa học môi trường	
8	Quản trị kinh doanh, Kế toán; Tài chính – Ngân hàng; Các ngành cử nhân kinh tế	Quản lý kinh tế	
9	Sư phạm Vật lý	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	



**DANH MỤC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 2023-2025**

**1. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC HỌC (GIÁO DỤC TIỂU HỌC) LỚP B1 KHOÁ 11 (2022 – 2024)
Mã số chuyên ngành: 8140101**

TT	Mã số CD		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
1	GPS	801	Triết học	4	3	1	TS. Lương Thanh Tân	Ngày 11&12/02/2023 Ngày 18&19/02/2023 Ngày 25&26/02/2023
2	GEP	801	Tiếng Anh	6	4	2	Có từ 2 – 4 giảng viên tham gia dạy (sẽ có phân công cụ thể trong thời khóa biểu học)	Các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật hàng tuần từ ngày 04/3/2023 đến ngày 26/3/2023
3	MPE	801	Cơ sở ngôn ngữ học trong dạy học tiếng Việt ở tiểu học	3	2	1	TS. Huỳnh Kim Tường Vi TS. Nguyễn Văn Bản	Ngày 01&02/4/2023 Ngày 08&09/4/2023
4	MPE	802	Cơ sở logic trong môn Toán tiểu học	3	2	1	PGS.TS. Lê Thị Tuyết Trinh PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Ngày 15&16/4/2023 Ngày 22&23/4/2023
5	MPE	803	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục tiểu học	3	2	1	TS. Dương Huy Cẩn TS. Đỗ Văn Hùng	Ngày 03&04/6/2023 Ngày 10&11/6/2023
6	MPE	804	Phát triển trí tuệ học sinh tiểu học	3	2	1	TS. Phan Trọng Nam TS. Nguyễn Trọng Lăng	Ngày 17, 18, 19, 20/6/2023
			Thi 04 học phần đã học					Ngày 24&25/6/2023 Ngày 01&02/7/2023
7	MPE	808	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học	2	2	0	PGS.TS. Huỳnh Mộng Tuyên TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà	Ngày 11, 12, 13, 14/7/2023

TT	Mã số CD		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
			sinh tiểu học					
8	MPE	810	Phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh tiểu học	3	2	1	TS. Nguyễn Văn Bản TS. Trịnh Thị Hương	Ngày 17, 18, 19, 20/7/2023
9	MPE	811	Phát triển năng lực cho học sinh trong dạy học toán ở tiểu học	3	2	1	TS. Đỗ Văn Hùng GS.TS. Trần Trung	Ngày 21, 22, 23, 24/7/2023
10	MPE	813	Phát triển năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	3	2	1	TS. Đỗ Thị Hồng Hạnh TS. Nguyễn Trọng Hiếu	Ngày 26, 27, 28, 29/7/2023
			Thi 04 học phần đã học					Ngày 02, 03, 04, 05/8/2023
11	MPE	815	Phát triển năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản cho học sinh tiểu học	3	2	1	TS. Trần Hoàng Anh TS. Trần Thanh Vân	Ngày 12&13/8/2023 Ngày 19&20/8/2023
12	MPE	817	Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp	3	2	1	TS. Trần Đức Hùng GS.TS. Lê Phương Nga	Ngày 26&27/8/2023 Ngày 09&10/9/2023
13	MPE	819	Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học toán ở tiểu học	3	2	1	TS. Phạm Thị Kim Châu TS. Lê Thị Tuyết Trinh	Ngày 16&17/9/2023 Ngày 23&24/9/2023
14	MPE	818	Phát triển tư duy cho học sinh qua dạy học toán ở tiểu học	3	2	1	TS. Lê Duy Cường TS. Nguyễn Thị Trúc Minh	Ngày 30/9/2023 & 01/10/2023 Ngày 07&08/10/2023
			Thi các học phần còn lại					Ngày 14&15/10/2023 Ngày 21&22/10/2023
15	MPE	823	Thực tập chuyên môn	3	00	3	TS. Trần Đức Hùng TS. Lê Duy Cường	Từ ngày 02/11/2023 đến ngày 15/12/2023

TT	Mã số CD		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
16	MPE	824	Nghiên cứu thực tế	3	00	3	TS. Nguyễn Thị Kiều TS. Trần Đức Hùng	Dự kiến tháng 01/2024
			Dự kiến học và thi Tiếng Anh chuẩn đầu ra thạc sĩ					Từ tháng 5/2023
17	MPE	800	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ (9 TÍN CHỈ)					
			Hội đồng xét duyệt đề cương luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Dự kiến tháng 12/2023
			Hội đồng seminar luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Dự kiến tháng 4/2024
			Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Dự kiến tháng 8/2024

2. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH LL&PPDH BỘ MÔN TOÁN LỚP B1 KHOÁ 11 (2022 – 2024)
Mã số chuyên ngành: 8140111

TT	Mã số CD		Tên chuyên đề	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
			Kiến thức chung	10				
1	GEP	801	Tiếng Anh	6	4	2	Có từ 2 – 4 giảng viên tham gia dạy (sẽ có phân công cụ thể trong thời khóa biểu học)	Các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật hàng tuần từ ngày 11/2/2023 đến ngày 11/3/2023
2	GPS	801	Triết học	4	2	1	TS. Lương Thanh Tân TS. Lê Văn Tùng	Các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật hàng tuần từ ngày 11/3/2023 đến ngày 26/3/2023
			Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	41	26	15		
3	TMM	803	Cơ sở giải tích hiện đại	3	2	1	1. TS. Nguyễn Văn Dũng 2. TS Nguyễn Ngọc Hiền	Ngày 01&02/04/2023 Ngày 08&09/04/2023
4	TMM	802	Cơ sở toán học của kiến thức môn	3	2	1	1. PGS.TS. Nguyễn Dương	Ngày 15&16/04/2023

TT	Mã số CĐ		Tên chuyên đề	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
			toán phổ thông				Hoàng 2. GS. TS Đào Tam	Ngày 22&23/04/2023
5	TMM	801	Cơ sở lý thuyết xác suất thống kê	3	2	1	1. TS. Lê Trung Hiếu 2. TS. Trần Ngọc Hoài Nhân	Ngày 03&04/06/2023 Ngày 10&11/06/2023
6	TMM	807	Cơ sở hình học hiện đại	3	2	1	1. TS. Trần Lê Nam 2. TS Võ Xuân Mai	Ngày 17&18/06/2023 Ngày 24&25/06/2023
			THI CHUYÊN ĐỀ 04 ĐÃ HỌC					Ngày 01&02/7/2023
7	TMM	804	Cơ sở đại số hiện đại	3	2	1	1. TS. Lê Hoàng Mai 2. TS. Trần Ngọc Hoài Nhân	Ngày 29,30/07 & 01,02/08/2023
8	TMM	808	Rèn luyện và phát triển tư duy cho học sinh thông qua dạy học môn toán	3	2	1	1. PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng 2. GS.TS. Đào Tam	Ngày 05,6&07/08/2023
9	TMM	809	Các xu hướng mới trong dạy học môn Toán	2	1	1	1. GS.TS. Nguyễn Phú Lộc 2. PGS.TS. Phan Anh Tài	Ngày 10&,11&12/13/08/2023
10	TMM	812	Phương tiện dạy học và đánh giá kết quả trong giáo dục toán	3	2	1	1. TS. Lê Minh Cường 2. PGS.TS. Trần Trung	Ngày 16&17/09/2023 Ngày 23&24/09/2023
			THI CHUYÊN ĐỀ 04 ĐÃ HỌC					Thi vào 30/9 và 01/10/2023
11	TMM	810	Tổ chức các hoạt động nhận thức và tích cực hóa quá trình học tập môn toán	3	2	1	1. TS. Lê Xuân Trường 2. GS.TS. Trần Trung	Ngày 7&8/10/2023 Ngày 14&15/10/2023
12	TMM	813	Vận dụng các quan điểm triết học trong giáo dục toán	3	2	1	1. TS. Võ Xuân Mai 2. GS.TS. Đào Tam	Ngày 21&22/10/2023 Ngày 28&29/10/2023
14	TMM	818	Tiếp cận các quan điểm xây dựng chương trình môn toán	3	2	1	1. TS. Phạm Sỹ Nam 2. TS. Lê Minh Cường	Ngày 4&5/11/2023 Ngày 11&12/11/2023
14	TMM	811	Nghiên cứu khoa học trong giáo dục toán & thống kê trong KHGD	3	2	1	1. PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng 2. GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Ngày 18&19/11/2023 Ngày 25&26/11/2023
			THI CHUYÊN ĐỀ 04 ĐÃ HỌC					Ngày 09,10/12/2023
15	TMM	822	Xây dựng các chuyên đề và hoạt	3	1	2	1. TS. Võ Xuân Mai	Ngày 16&17/12/2023

TT	Mã số CD		Tên chuyên đề	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
			động thực hành trải nghiệm trong dạy học môn Toán ở phổ thông				2. TS. Nguyễn Trung Hiếu	Ngày 23&24/12/2023
16	TMM	823	Thực tế bộ môn	3			1. Lê Trung Hiếu 2. TS. Nguyễn Trung Hiếu	Tháng 01/2024
			THI HOẶC LÀM TIỂU LUẬN 02 CHUYÊN ĐỀ CÒN LẠI					Tháng 02/2024
			Dự kiến học và thi Tiếng Anh chuẩn đầu ra thạc sĩ					Dự kiến tháng 5/2023
			Hội đồng xét duyệt đề cương luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Dự kiến tháng 1/2024
17	TMM	824	Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ	9		9		
			Hội đồng seminar					Tháng 8/2024
			Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Tháng 10/2024

3. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH HOÁ LÝ THUYẾT VÀ HOÁ LÝ LỚP B1 KHOÁ 11 (2022 – 2024)

Mã số chuyên ngành: 8440119

TT	Mã số CD		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
1	GPN	801	Triết học	3	2	1	TS. Lê Văn Tùng	Ngày 18&19/02/2023 Ngày 25&26/02/2023
2	GEP	801	Tiếng Anh	6	4	2	Có từ 2 – 4 giảng viên tham gia dạy (sẽ có phân công cụ thể trong thời khóa biểu học)	Tháng 03/2023
3	TPC	807	Tiếng Anh cho hoá học	3	2	1	1. PGS.TS. Trần Văn Tân 2. GS.TS. Đinh Quang Khiếu	Ngày 01&02/04/2023 Ngày 08&09/04/2023
4	TPC	801	Hoá học lượng tử nâng cao	3	2	1	1. PGS.TS. Trần Quốc Trị 2. PGS.TS. Bùi Thọ Thanh	Ngày 15&16/04/2023 Ngày 22&23/04/2023

TT	Mã số CD		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
5	TPC	810	Hóa lượng tử tính toán	3	2	1	1. PGS.TS. Trần Văn Tân 2. TS. Nguyễn Hữu Thọ	Ngày 03&04/06/2023 Ngày 10&11/06/2023
6	TPC	814	Lý thuyết phiếm hàm mật độ	3	2	1	1. PGS.TS. Trần Văn Tân 2. PGS.TS. Trần Thành Huế	Ngày 17&18/06/2023 Ngày 24&25/06/2023
			Thi 04 học phần đã học: Ngày 15&16/07/2023					
7	TPC	816	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành hóa	3	2	1	1. PGS.TS. Hồ Sỹ Thắng 2. PGS.TS. Trần Văn Mẫn	Ngày 17&18/07/2023 Ngày 19&20/07/2023
8	TPC	811	Thực tập chuyên ngành 1	3	0	3	1. TS. Nguyễn Hữu Thọ 2. PGS.TS. Bùi Thọ Thanh	Ngày 21&22/07/2023 Ngày 23&24/07/2023 Ngày 25&26/07/2023 Ngày 27&28/07/2023
9	TPC	802	Hóa vô cơ nâng cao	3	2	1	1. TS. Bùi Văn Thắng 2. TS. Nguyễn Văn Hưng	Ngày 29&30/07/2023 Ngày 05&06/08/2023
10	TPC	805	Hóa phân tích nâng cao	3	2	1	1. TS. Đặng Kim Tại 2. PGS.TS. Nguyễn Đình Luyện	Ngày 12&13/08/2023 Ngày 19&20/08/2023
			Thi 04 học phần đã học: Ngày 26&27/08/2023					
11	TPC	803	Hóa hữu cơ nâng cao	3	2	1	1. TS. Lê Thị Thanh Xuân 2. TS. Bùi Thị Minh Nguyệt	Ngày 09&10/09/2023 Ngày 16&17/09/2023
12	TPC	809	Hấp phụ và xúc tác	3	2	1	1. PGS.TS. Hồ Sỹ Thắng 2. PGS.TS. Phạm Đình Dũ	Ngày 23&24/09/2023 Ngày 30/09/2023 Ngày 01/10/2023
13	TPC	808	Động hóa học nâng cao	3	2	1	1. PGS.TS. Trần Quốc Trị 2. GS.TS. Đinh Quang Khiếu	Ngày 07&08/10/2023 Ngày 14&15/10/2023
14	TPC	815	Điện hóa hiện đại và ứng dụng	3	2	1	1. PGS.TS. Trần Văn Mẫn 2. PGS.TS. Hoàng Văn Hùng	Ngày 21&22/10/2023 Ngày 28&29/10/2023
			Thi 04 học phần đã học: Ngày 04&05/11/2023					
15	TPC	812	Thực tập chuyên ngành 2	3	0	3	1. TS. Nguyễn Văn Hưng (hướng dẫn, 2	Ngày 11&12/11/2023

TT	Mã số CD		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
							TC) 2. NCS.ThS. Nguyễn Ngọc Bích (hỗ trợ kỹ thuật, 0,5 TC) 3. NCS.ThS. Nguyễn Minh Thảo (hỗ trợ kỹ thuật, 0,5 TC)	Ngày 25&26/11/2023 Ngày 02&03/12/2023 Ngày 09&10/12/2023
16	TPC	813	Nhiệt động học ứng dụng	3	2	1	1. PGS.TS. Trần Quốc Trị 2. PGS.TS. Trần Thành Huế	Ngày 16&17/12/2023 Ngày 23&24/12/2023
			Thi các học phần còn lại: Ngày 06&07/01/2024					
			Dự kiến học và thi Tiếng Anh chuẩn đầu ra thạc sĩ					
								Từ 01/05/2023 đến 30/05/2023
17	TPC	800	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ (9 TÍN CHỈ)					
			Hội đồng xét duyệt đề cương luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					
			Hội đồng seminar luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					
			Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					
								02/2024
								07/2024
								08/2024

4. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ VIỆT NAM KHOÁ 11 (2022 – 2024)
Mã số chuyên ngành: 8220102

T T	Mã số CD	Tên chuyên đề	Khối lượng tín chỉ				Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
			TS TC	LT	Th H	TH		
	Kiến thức chung							
1	GEP.801	Tiếng Anh	6	60	60	180	Có từ 2 – 4 giảng viên tham gia dạy (sẽ có phân công cụ thể trong thời khóa biểu học)	Ngày 11-12/02/2023 Ngày 18-19/02/2023 Ngày 25-26/02/2023 Ngày 04-05/3/2023 Ngày S11/3/2023

T T	Mã số CD	Tên chuyên đề	Khối lượng tín chỉ				Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
			TS TC	LT	Th H	TH		
2	GPS.801	Triết học	4	60	00	120	TS. Lương Thanh Tân	Ngày 11-12/3/2023 Ngày 18-19/3/2023 Ngày 25-26/3/2023
	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc							
3	MVL.801	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	2	20	10	70	1. PGS,TS. Đỗ Minh Hùng 2. TS. Trần Hoàng Anh	Ngày 01-02/4/2023 Ngày 08/4/2023
4	MVL.802	Ngôn ngữ học tri nhận	3	30	15	105	1. TS. Trần Đức Hùng 2. PGS,TS. Đỗ Minh Hùng	Ngày 15-16/4/2023 Ngày 22-23/4/2023
		THI 02 CHUYÊN ĐỀ ĐÃ HỌC						Ngày 06-07/5/2023
5	MVL.803	Những vấn đề về ngữ pháp chức năng	3	30	15	105	1. TS. Trần Hoàng Anh 2. TS. Nguyễn Văn Bản	Từ ngày 05 đến ngày 08/6/2023
	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn							
6	MVL.806	Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	3	30	15	105	1. TS. Nguyễn Văn Bản 2. PGS. TS. Đỗ Minh Hùng	Từ ngày 09 đến ngày 12/6/2023
7	MVL.808	Ngôn ngữ học và văn hóa	3	30	15	105	1. TS. Nguyễn Thị Chính 2. TS. Đỗ Thị Hồng Hạnh	Từ ngày 13 đến ngày 16/6/2023
	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc							
8	MVL.813	Phân tích, đánh giá ngữ liệu dạy tiếng Việt ở trường phổ thông	3	30	15	105	1. PGS,TS. Đỗ Minh Hùng 2. TS. Trần Thanh Vân	Từ ngày 17 đến ngày 20/6/2023
		THI 04 CHUYÊN ĐỀ ĐÃ HỌC						Ngày 24-25/6/2023
9	MVL.814	Ngôn ngữ nghệ thuật	3	30	15	105	1. TS. Đỗ Thị Hồng Hạnh 2. TS. Nguyễn Thị Chính	Từ ngày 26 đến ngày 29/6/2023
10	MVL.815	Phân tích văn bản	3	30	15	105	1. TS. Trần Thanh Vân 2. TS. Trần Hoàng Anh	Từ ngày 01 đến ngày 04/7/2023
	Kiến thức chuyên ngành tự chọn							

T T	Mã số CD	Tên chuyên đề	Khối lượng tín chỉ				Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
			TS TC	LT	Th H	TH		
11	MVL.822	Ngôn ngữ văn học Việt Nam	3	30	15	105	1. TS. Nguyễn Ngọc Phú 2. TS. Đỗ Thị Hồng Hạnh	Từ ngày 15 đến ngày 18/7/2023
12	MVL.820	Ngôn ngữ học xã hội	3	30	15	105	1. GS.TS. Nguyễn Văn Khang 2. TS. Trần Đức Hùng	Từ ngày 19 đến ngày 22/7/2023
13	MVL.821	Dụng học Việt ngữ	3	30	15	105	1. GS.TS. Đỗ Thị Kim Liên 2. TS. Trần Thanh Vân	Từ ngày 24 đến ngày 27/7/2023
14	MVL.817	Từ Hán Việt	3	30	15	105	1. TS. Trần Đức Hùng 2. TS. Đỗ Thị Hà Thơ	Từ ngày 30/7 đến ngày 02/8/2023
		THI 06 CHUYÊN ĐỀ ĐÃ HỌC						Ngày 05-06/8/2023
	Thực tập							
15	MVL.826	Thực tập 1	3	00	90	60	1. TS. Trần Hoàng Anh 2. TS. Trần Thanh Vân	Từ ngày 07 đến ngày 14/8/2023
16	MVL.827	Thực tập 2	3	00	90	60	1. TS. Trần Thanh Vân 2. TS. Trần Hoàng Anh	Từ ngày 15 đến ngày 22/8/2023
		Dự kiến học và thi Tiếng Anh chuẩn đầu ra thạc sĩ						Tháng 10&11/2023
		Hội đồng xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ						Dự kiến trong tháng 12/2023
17		Luận văn thạc sĩ	9		9			
		Hội đồng seminar						Dự kiến trong tháng 6/2024
		Bảo vệ luận văn thạc sĩ						Dự kiến trong tháng 11/2024

5. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ VIỆT NAM KHOA 11 (2022 – 2024)
Mã số chuyên ngành: 8229013

T T	Mã số CD		Tên chuyên đề	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
Kiến thức chung				10				
1	GEP	801	Tiếng Anh	6	60	140	Có từ 2 – 4 giảng viên tham gia dạy (sẽ có phân công cụ thể trong thời khóa biểu học)	Các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật hàng tuần từ ngày 11/2/2023 đến ngày 11/3/2023
2	GPS	801	Triết học	4	60	180	TS. Lương Thanh Tân	Các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật hàng tuần từ ngày 11/3/2023 đến ngày 26/3/2023
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc				8				
3	VHI	801	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử	3	30	30	1. TS. Phạm Xuân Vũ 2. TS. Phạm Phúc Vĩnh	Ngày 01-02-08-09/4/2023
4	VHI	805	Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam	3	45	90	1. PGS.TS. Hà Minh Hồng 2.PGS.TS. Hồ Sơn Đài	Ngày 15-16-22-23/4/2023
5	VHI	803	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam: những vấn đề lí luận và lịch sử phát triển	2	30	60	1. TS. Nguyễn Thuận Quý 2. PGS.TS. Phan An	Ngày 03-04-10-11/6/2023
Kiến thức cơ sở ngành tự chọn				6				
6	VHI	817	Lịch sử vương quốc Phù Nam và văn hóa Óc Eo ở đồng bằng Nam Bộ	3	45	90	1. TS. Nguyễn T. Song Thương 2. TS. Nguyễn Thị Ngọc Minh	Ngày 17-18-24-25/6/2023
7	VHI	810	Lịch sử bang giao Việt Nam - Đông	3	45	90	1. TS. Trần Thị Nhung	Ngày 01-02-03-

T T	Mã số CĐ		Tên chuyên đề	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
			Nam Á				2. PGS.TS. Trần Nam Tiến	04/7/2023
Kiến thức chuyên ngành bắt buộc				9				
8	VHI	807	Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc	3	45	90	1. TS. Nguyễn Trọng Minh 2. TS. Nguyễn Văn Dũng	Ngày 05-06-07-08/7/2023
9	VHI	815	Quá trình khai phá vùng đất Nam bộ từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX	3	45	90	1. TS. Nguyễn Thành Phương 2. TS. Lê Hữu Phước	Ngày 09-10-11-12/7/2023
10	VHI	816	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	45	90	1. TS. Trần Thị Nhung 2. PGS.TS. Trần Nam Tiến	Ngày 13-14-15-16/7/2023
Kiến thức chuyên ngành tự chọn				12				
11	VHI	818	Sự phát triển của CNTB ở miền Nam Việt Nam 1954 - 1975	3	45	90	1. GS.TS. Võ Văn Sen 2. TS. Huỳnh Đức Thiện	Ngày 17-18-19-20/7/2023
12	VHI	821	Kinh tế nông nghiệp Việt Nam cộng hòa 1955 - 1975	3	45	90	1. TS. Lê Đình Trọng 2. GS.TS. Nguyễn Ngọc Cơ	Ngày 21-22-23-24/7/2023
13	VHI	822	Cải cách ruộng đất ở Việt Nam từ năm 1930 đến nay	3	45	90	1. TS. Lê Đình Trọng 2. PGS.TS. Đinh Quang Hải	Ngày 25-26-27-28/7/2023
	VHI	820	Kinh tế đối ngoại đồng bằng sông Cửu Long thời kì đổi mới	3	45	90	1. TS. Nguyễn Trọng Minh 2. TS. Nguyễn Văn Dũng	Ngày 03-04-05-06/8/2023
14	VHI	827	Thực tập 1	3		60	1. TS. Nguyễn Trọng Minh 2. TS. Trần Thị Nhung	Tháng 8/2023
15	VHI	828	Thực tập 2	3		60	1. TS. Lê Đình Trọng 2. TS. Trần Thị Nhung	Tháng 11/2023
			Dự kiến học và thi Tiếng Anh chuẩn đầu ra thạc sĩ					Tháng 5/2023

T T	Mã số CD		Tên chuyên đề	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
			Hội đồng xét duyệt đề cương luận văn thạc sĩ					Tháng 02/2024
17	VHI		Luận văn thạc sĩ	9				Tháng 3/2024 đến 8/2024
			Hội đồng seminar					Tháng 9/2024
			Bảo vệ luận văn thạc sĩ					Tháng 11/2024
Tổng số TC tích lũy				60				

6. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH VẬT LÝ LÝ THUYẾT VÀ VẬT LÝ TOÁN 12 (2023 – 2025)

Mã số chuyên ngành: 8440103

TT	Mã số HP		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
1	GEN	801	Triết học	3	3	0	TS. Lương Thanh Tân TS. Lê Văn Tùng	Tháng 06/2023
2	GEN	802	Tiếng Anh	6	6	0	Có từ 2 – 4 giảng viên tham gia dạy (sẽ có phân công cụ thể trong thời khóa biểu học)	Tháng 07/2023
3	TMP	803	Toán cho Vật lý nâng cao	3	2	1	TS. Nguyễn Quốc Thái PGS.TS. Huỳnh Vĩnh Phúc	Tháng 8/2023
4	TMP	804	Tin học vật lý	3	2	1	TS. Phạm Tuấn Vinh TS. Nguyễn Quốc Thái	Tháng 8&9/2023
			Thi hoặc làm tiểu luận các học phần đã học					Tháng 10/2023

TT	Mã số HP		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
5	TMP	805	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	2	1	TS. Lê Thị Ngọc Tú TS. Nguyễn Quốc Thái	Tháng 11/2023
6	TMP	807	Điện động lực học lượng tử	3	2	1	TS. Quách Khả Quang TS. Nguyễn Quốc Thái	Tháng 12/2023
7	TMP	809	Vật lý bán dẫn	3	2	1	TS. Lê Thị Ngọc Tú PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hiếu	Tháng 01/2024
			Thi hoặc làm tiểu luận các học phần đã học					Tháng 3/2024
8	TMP	810	Cơ học lượng tử nâng cao 1	3	2	1	PGS.TS. Huỳnh Vĩnh Phúc PGS.TS. Bùi Đình Hợi	Tháng 4/2024
9	TMP	811	Vật lý thống kê nâng cao	3	2	1	TS. Lê Thị Ngọc Tú PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hiếu	Tháng 5/2024
10	TMP	812	Lý thuyết trường lượng tử	3	2	1	PGS.TS. Huỳnh Vĩnh Phúc PGS.TS. Bùi Đình Hợi	Tháng 6/2024
11	TMP	813	Lý thuyết hệ nhiều hạt	3	2	1	PGS.TS. Huỳnh Vĩnh Phúc PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu	Tháng 7/2024
			Thi hoặc làm tiểu luận các học phần đã học					Tháng 8/2024
12	TMP	814	Cơ học lượng tử nâng cao 2	3	2	1	PGS.TS. Huỳnh Vĩnh Phúc PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu	Tháng 9/2024
13	TMP	816	Cơ sở vật lý hệ thấp chiều	3	2	1	TS. Phạm Tuấn Vinh PGS.TS. Bùi Đình Hợi	Tháng 9&10/2024
14	TMP	817	Lý thuyết chất rắn	3	2	1	TS. Lê Thị Ngọc Tú PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hiếu	Tháng 10&11/2024
			Thi hoặc làm tiểu luận các học phần đã học					Tháng 12/2024
15	TMP	820	Thực tập 1	3	1	2	TS. Nguyễn Quốc Thái TS. Quách Khả Quang	Tháng 12/2024&01/2025
16	TMP	821	Thực tập 2	3	1	2	TS. Lê Thị Ngọc Tú PGS.TS. Nguyễn Văn Chương	Tháng 01/2025
			Hội đồng xét duyệt đề cương luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Tháng 02/2025
			Dự kiến học và thi Tiếng Anh chuẩn đầu ra thạc sĩ					Tháng 05/2025

TT	Mã số HP		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy	
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL			
17	TMP	800	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ (9 TÍN CHỈ)					Tháng 3/2025 đến tháng 8/2025	
			Hội đồng seminar luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Tháng 8/2025	
			Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Tháng 10/2025	

**7. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH LL & PPDH BỘ MÔN TIẾNG ANH**

Mã số chuyên ngành: 8140111

TT	Mã số HP		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
1	GPS	801	Triết học	3	2	1	TS. Lê Văn Tùng TS. Lương Thanh Tân	HK1
2	ELT	828	Tiếng Trung	6	4	2	TS. Trần Thanh Tâm ThS.GVC Bùi Thị Kim Hằng ThS.GVC Nguyễn Văn Tám	HK1
3	ELT	801	Lý luận dạy học tiếng Anh	3	2	1	TS. Lê Thanh Nguyệt Anh TS. Trần Thị Hiền	HK1
4	ELT	802	Viết tiếng Anh học thuật	2	1	1	TS. Phan Ngọc Thạch TS. Lê Hồng Phương Thảo	HK1
5	ELT	803	Phương pháp NCKH trong dạy - học ngoại ngữ	3	2	1	PGS.TS. Đỗ Minh Hùng TS. Lê Thanh Nguyệt Anh	HK1
6	ELT	804	Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai	3	2	1	TS. Trần Thị Hiền PGS.TS. Đỗ Minh Hùng	HK1
Thi hoặc làm tiểu luận các học phần đã học								
8	ELT	806	Thiết kế bài dạy tiếng Anh tích	3	2	1	TS. Lê Thanh Nguyệt Anh	HK2

TT	Mã số HP		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
			hợp ở trường phổ thông				TS. Phan Ngọc Thạch	
10	ELT	808	Phát triển nghề nghiệp giáo viên	3	2	1	TS. Võ Phan Thu Ngân TS. Phan Ngọc Thạch	HK2
Thi hoặc làm tiểu luận các học phần đã học								
11	ELT	809	Phát triển nghiệp vụ dạy học tiếng Anh	3	2	1	TS. Trần Thị Hiền PGS.TS. Đỗ Minh Hùng	HK2
12	ELT	810	Phát triển chương trình trong giảng dạy tiếng Anh	3	2	1	TS. Võ Phan Thu Ngân TS. Phan Ngọc Thạch	HK2
13	ELT	811	Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ	3	2	1	TS. Huỳnh Thị Nhĩ TS. Võ Phan Thu Ngân	HK2
14	ELT	812	Giao tiếp liên văn hóa	3	2	1	TS. Lê Hồng Phương Thảo TS. Phan Ngọc Thạch	HK2
15	ELT	813	Ngữ dụng học trong giảng dạy ngôn ngữ	3	2	1	TS. Lê Hồng Phương Thảo TS. Trần Thị Hiền	HK2
Thi hoặc làm tiểu luận các học phần đã học								
18	ELT	816	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	1	1	TS. Huỳnh Thị Nhĩ PGS.TS. Đỗ Minh Hùng	HK3
20	ELT	818	Sử dụng công nghệ trong dạy học ngoại ngữ	2	1	1	TS. Võ Phan Thu Ngân TS. Lê Hồng Phương Thảo	HK3
28	ELT	826	Thực tế bộ môn	2	1	1	TS. Phan Ngọc Thạch TS. Lê Thanh Nguyệt Anh	HK3
29	ELT	827	Thực tập nghề nghiệp	4		4	TS. Lê Thanh Nguyệt Anh TS. Phan Ngọc Thạch	HK3
Dự kiến học và thi Tiếng Trung chuẩn đầu ra thạc sĩ								
Hội đồng xét duyệt đề cương luận văn tốt nghiệp thạc sĩ								
30	ELT	829	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ (9 TÍN CHỈ)					HK4
Hội đồng seminar luận văn tốt nghiệp thạc sĩ								

TT	Mã số HP		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ								

8. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ
Mã số chuyên ngành: 8310110

TT	Mã số CD		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
	GEN	801	Triết học	3	2	1	TS. Lê Văn Tùng	
	GEN	802	Tiếng Anh	6			TS. Lê Thanh Nguyệt Anh TS. Lê Hồng Phương Thảo	
	EMM	803	Kinh tế phát triển nâng cao	3	2	1	PGS.TS. Đinh Văn Toàn TS. Nguyễn Văn Nam TS. Hoàng Văn Long	
	EMM	804	Khoa học quản lý kinh tế	3	2	1	PGS. Quang Minh Nhut TS. Nguyễn Giác Trí	
			THI					
	EMM	805	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	PGS.TS. Võ Thị Thanh Lộc TS. Huỳnh Hữu Thọ	
	EMM	808	Lãnh đạo và quản lý	3	2	1	TS. Nguyễn Giác Trí PGS.TS. Đinh Văn Toàn	
	EMM	809	Quản lý tài chính công	3	2	1	PGS.TS. Nguyễn Hữu Đặng TS. Ngô Văn Thọ	
	EMM	813	Chuyển đổi số và thương mại điện tử	3	2	1	TS. Nguyễn Đình Yên Oanh PGS. Đinh Văn Toàn	
	EMM	815	Marketing địa phương	3	2	1	TS. Huỳnh Quốc Tuấn	

TT	Mã số CD		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
							TS. Nguyễn Giác Trí	
			THI					
	EMM	810	Quản lý công	3	2	1	TS. Ngô Văn Thạo PGS.TS. Nguyễn Hữu Đăng	
	EMM	811	Kinh tế học thể chế	3	2	1	PGS.TS. Võ Văn Dứt TS. Nguyễn Văn Nam PGS.TS. Đinh Văn Toàn	
	EMM	812	Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế	3	2	1	PGS.TS. Phan Anh Tú TS. Huỳnh Thị Kim Uyên	
	EMM	818	Quản trị dự án đầu tư	3	2	1	TS. Lê Văn Tuấn TS. Nguyễn Vĩnh Luận	
	EMM	820	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	2	1	TS. Lê Văn Bảy TS. Lê Trần Thiên Ý	
			THI					
	EMM	822	Thực tập nghề nghiệp 1					
	EMM	823	Thực tập nghề nghiệp 2					
			Dự kiến học và thi Tiếng Anh chuẩn đầu ra thạc sĩ					
	EMM	824	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ (9 TÍN CHỈ)					
			Hội đồng xét duyệt đề cương luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					
			Hội đồng seminar luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					
			Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					

9. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG KHOÁ 12 (2023 – 2025)
Mã số chuyên ngành: 8440301

TT	Mã số HP		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phân chữ	Phân số		TS TC	LT	TH, TL		
1	GPN	801	Triết học	3	2	1	TS. Lương Thanh Tân TS. Lê Văn Tùng	Tháng 02/2023
2	GEP	801	Tiếng Anh	6	4	2	Có từ 2 – 4 giảng viên tham gia dạy (sẽ có phân công cụ thể trong thời khóa biểu học)	Tháng 03/2023
3	ESM	801	Sinh thái môi trường ứng dụng	3	2	1	TS. Lê Diễm Kiều TS. Phạm Quốc Nguyên	Tháng 4/2023
4	ESM	802	Hóa Kỹ thuật Môi trường	3	2	1	PGS.TS. Hồ Sỹ Thắng PGS.TS. Nguyễn Văn Hưng	Tháng 4/2023
5	ESM	803	Phương pháp nghiên cứu khoa học môi trường	2	1	1	TS. Phạm Quốc Nguyên PGS.TS. Nguyễn Văn Hưng	Tháng 6/2023
6	ESM	804	Quản lý môi trường đất, nước và công nghệ sạch	3	2	1	TS. Nguyễn Thị Phương TS. Lê Diễm Kiều	Tháng 6/2023
			Thi hoặc làm tiểu luận 04 học phần đã học					Tháng 07/2023
7	ESM	807	Đánh giá chất lượng môi trường và kiểm soát ô nhiễm	3	2	1	TS. Nguyễn Thị Hải Lý TS. Phạm Quốc Nguyên	Tháng 8/2023
8	ESM	808	Đánh giá tác động môi trường chiến lược	3	2	1	TS. Phạm Quốc Nguyên PGS.TS. Nguyễn Văn Công	Tháng 8/2023
9	ESM	809	Quy hoạch sử dụng đất và Môi trường	3	2	1	PGS.TS. Phạm Thanh Vũ TS. Nguyễn Thị Phương	Tháng 8/2023
10	ESM	810	Vi sinh vật ứng dụng trong môi trường	3	2	1	TS. Hà Danh Đức TS. Nguyễn Thị Hải Lý	Tháng 8/2023

TT	Mã số HP		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ			Giảng viên dạy	Dự kiến thời gian dạy
	Phần chữ	Phần số		TS TC	LT	TH, TL		
11	ESM	811	Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học	3	2	1	TS. Lê Diễm Kiều TS. Phạm Quốc Nguyên	Tháng 9/2023
			Thi hoặc làm tiểu luận 04 học phần đã học					Tháng 9/2023
12	ESM	818	Xử lý số liệu thống kê Môi trường	3	2	1	PGS. TS. Trần Sỹ Nam TS. Phạm Quốc Nguyên	Tháng 10/2023
13	ESM	816	An toàn, sức khỏe và môi trường	3	2	1	TS. Lê Diễm Kiều PGS.TS. Nguyễn Xuân Lộc	Tháng 10/2023
14	ESM	817	Đánh giá rủi ro môi trường	2	1	1	PGS.TS. Nguyễn Văn Công TS. Phạm Quốc Nguyên	Tháng 11/2023
15	ESM	822	Ứng dụng GIS và viễn thám trong môi trường	3	2	1	TS. Nguyễn Thị Hải Lý PGS.TS. Nguyễn Thanh Giao	Tháng 11/2023
	ESM		Thi hoặc làm tiểu luận các học phần còn lại					Tháng 11&12/2023
16	ESM	823	Thực tập chuyên ngành môi trường	3	1	2	Bộ môn KHMT	Tháng 12/2023
17	ESM	824	Thực tập quản lý tài nguyên và môi trường	3	1	2	Bộ môn KHMT	Tháng 01/2024
			Dự kiến học và thi Tiếng Anh chuẩn đầu ra thạc sĩ					Tháng 05/2023
			Hội đồng xét duyệt đề cương luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Tháng 01/2024
18	EDM	800	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ (9 TÍN CHỈ)					Tháng 3/2024 đến tháng 8/2024
			Hội đồng seminar luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Tháng 8/2024
			Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ					Tháng 10/2024